TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 469/2026/DS-ST
Ngày: 06 – 8 – 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Công

2. Ông Nguyễn Thanh Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 664/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2026, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm: 1957.

Căn cước công dân số: 096157003230, cấp ngày 14/8/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Vũ N, sinh năm: 1993 (văn bản ủy quyền ngày 13/5/2026), (có mặt).

Căn cước công dân số: 096093002240, cấp ngày 22/11/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp Kinh Dớn, xã Đá Bạc, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp Rạch Ráng, xã Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị H, sinh năm: 1953 (vắng mặt).

Chị Lê Hồng M (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2026 và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/02/2025 âm lịch, bà Trịnh Thị H có dẫn cháu ngoại là chị Lê Hồng M đến nhà bà Nguyễn Thị Ú hỏi vay 05 chỉ vàng 24K, việc cho vay có làm biên nhận nợ nhưng do bà H không biết chữ nên chị M viết biên nhận và ký tên, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay tuy không ghi trong biên nhận nhưng hẹn 01 tháng sau sẽ trả. Quá trình vay, bà Ú yêu cầu bà Trịnh Thị H và chị Lê Hồng M trả nợ nhiều lần nhưng họ không trả nợ gốc và nợ lãi cho bà Ú. Ngày 20/4/2026, Tổ hòa giải ấp R mời bà Ú với bà H và chị M đến hòa giải nhưng bà H và chị M không có mặt mà có mặt ông Phạm Hoàng P chồng bà H thì ông P mới vở lẽ ra biết bà H có hỏi vay vàng bà Ú. Trong quá trình đến nhà bà H đòi nợ, bà Ú đã ghi âm lại cuộc nói chuyện thì bà H cũng thừa nhận có dẫn chị M đến nhà bà Ú hỏi vay vàng.

Từ nội dung trên, bà Ú yêu cầu bà H và chị M phải có nghĩa vụ trả cho bà 05 chỉ vàng 24K.

* Đối với bà Trịnh Thị H và chị Lê Hồng M vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Loại việc các bên tranh chấp là hợp đồng vay tài sản nên loại việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với việc vắng mặt của bà Trịnh Thị H và chị Lê Hồng M: Mặc dù đã được Toà án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử vụ án nhiều lần thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng bà H và chị M đều vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H và chị M theo quy định.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng vay tài sản. Căn cứ biên nhận nợ ngày 08/02/2025 âm lịch do chị M viết và ký tên, biên bản hòa giải ngày 20/4/2026 của Tổ hòa giải ấp R, xã T, đoạn ghi âm của bà Ú ghi lại cuộc nói chuyện giữa bà Ú với bà H, có căn cứ xác định bà Trịnh Thị H và chị Lê Hồng M có vay của bà Nguyễn Thị Ú 05 chỉ vàng 24K là thực tế có diễn ra, nay đã phát sinh tranh chấp nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

[3] Song, vấn đề đặt ra là các đương sự tranh chấp về trách nhiệm trả nợ, thời gian trả nợ và phương thức trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao dịch vay vàng do bà Trịnh Thị H và chị Lê Hồng M trực tiếp đứng ra giao dịch với bà Nguyễn Thị Ú nên buộc bà H và chị M phải có nghĩa vụ trả cho bà Ú 05 chỉ vàng 24K là có cơ sở. Mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hoà giải và xét xử nhiều lần nhưng bà H và chị M vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên

bà H và chị M phải tự gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

[4] Đối với lãi suất cho vay bằng vàng ở từng thời điểm, từng nơi, Nhà nước có quy định mức lãi suất khác nhau. Tuy nhiên, căn cứ quy định chung và thống nhất là Quyết định số: 57-QĐ/NH1 ngày 31/3/1992 của Thống đốc Ngân hàng N1 về lãi suất huy động vốn và cho vay bảo đảm giá trị theo giá vàng. Lãi suất cho vay tối đa 7%/năm.

Căn cứ Thông tư số: 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Ngân hàng N1 quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của Tổ chức tín dụng thì từ ngày 01/5/2011 (ngày Thông tư có hiệu lực) đến nay, Nhà nước không cho phép tổ chức, cá nhân cho vay vốn bằng vàng có tính lãi.

Do bà Ú không đặt ra yêu cầu tính lãi đồng thời cũng không có cơ sở xác định quá trình giao dịch bà H và chị M có thanh toán lãi cho bà Ú không nên không có căn cứ để xem xét và điều chỉnh lãi là phù hợp.

[5] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ: Bà Ú yêu cầu bà H và chị M thanh toán nợ cho bà dứt điểm một lần. Xét thấy, thời gian và phương thức thanh toán nợ thuộc thẩm quyền của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Ú nên buộc bà H và chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà H thuộc đối tượng người cao tuổi nên bà H được miễn chịu án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị M phải chịu án phí. Tại thời điểm xét xử, giá vàng của Hội Kim Hoàn tỉnh C công bố giá mua vào đối với vàng 24K (999) là 13.030.000đ/chỉ (05 chỉ x 13.030.000đ x 5% = 3.257.500đ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Quyết định số: 57-QĐ/NH1 ngày 31/3/1992 của Thống đốc Ngân hàng N1 ***về lãi suất huy động vốn và cho vay bảo đảm giá trị theo giá vàng;***

- Căn cứ Thông tư số: 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Ngân hàng N1 ***quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của Tổ chức tín dụng;***

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ú – buộc bà Trịnh Thị H và chị Lê Hồng M có nghĩa vụ trả cho bà Ú 05 (năm) chỉ vàng 24 Kara.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Lê Hồng M phải chịu 1.628.000đ (một triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét miễn án phí không giá ngạch cho bà H. Bà Ú không phải chịu án phí, ngày 20 tháng 4 năm 2026, bà Ú đã được Thông báo về việc miễn tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ú có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trịnh Thị H và chị Lê Hồng M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Hứa Minh Hải

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.